ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 21/2021/TB-LPQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2021

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, ký tại Hà Nội ngày 04 tháng 01 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2021.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Ngự

HIỆP ĐỊNH

VỀ

CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

GIỮA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (sau đây gọi riêng là Bên và gọi chung là các Bên),

Với mong muốn tạo điều kiện thuận lợi để những người bị kết án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng ở đất nước của họ,

Xem xét pháp luật hiện hành của các Bên liên quan đến việc thi hành án hình sự,

Nhận thức rằng có thể đạt được mục tiêu này bằng cách tạo cơ hội cho công dân của các Bên bị kết án phạt tù do phạm tội, được thi hành hình phạt ở đất nước của mình,

Đã thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1

Giải thích từ ngữ

Trong Hiệp định này:

(a) "bản án" là quyết định hoặc lệnh của Tòa án tuyên hình phạt;

(b) "Bên nhận" là Bên mà người bị kết án có thể hoặc đã được chuyển giao đến để thi hành hình phạt hoặc tiếp tục thi hành hình phạt;

(c) "Bên chuyển giao" là Bên từ đó mà người bị kết án có thể hoặc đã được chuyển giao;

(d) "hình phạt" là hình phạt tù có thời hạn hoặc chung thân theo quyết định hoặc lệnh của Tòa án;

(e) "người bị kết án" là người đang thi hành hình phạt tù theo bản án của Toà án được thành lập theo luật pháp hiện hành của các Bên.

ĐIỀU 2

Nguyên tắc chung

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này và pháp luật của mỗi Bên, các Bên sẽ dành cho nhau sự hợp tác toàn diện nhất trong lĩnh vực chuyển giao người bị kết án phạt tù.

2. Người bị kết án trên lãnh thổ một Bên có thể được chuyển giao sang lãnh thổ Bên kia theo Hiệp định này, để thi hành hình phạt đã tuyên đối với người đó.

3. Việc chuyển giao có thể được yêu cầu bởi người bị kết án là công dân của một Bên hoặc bởi bất kỳ người nào khác cũng là công dân của một Bên và là người đại diện hợp pháp của người bị kết án bằng việc gửi đơn đến một trong hai Bên, phù hợp với pháp luật của Bên đó.

4. Việc chuyển giao người bị kết án cũng có thể do Bên chuyển giao hoặc Bên nhận yêu cầu.

ĐIỀU 3

Cơ quan trung ương

1. Vì mục đích thực thi Hiệp định này, mỗi Bên sẽ chỉ định một Cơ quan trung ương.

2. Cơ quan trung ương của các Bên thực hiện Hiệp định này là:

- Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Bộ Công an.

- Đối với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào: Bộ An ninh.

3. Trong trường hợp một trong hai Bên thay đổi Cơ quan trung ương của mình thì sẽ thông báo bằng văn bản qua kênh ngoại giao cho Bên kia về việc thay đổi này ngay khi có thể.

4. Cơ quan trung ương của các Bên sẽ liên lạc trực tiếp với nhau vì mục đích của Hiệp định này, trừ trường hợp Hiệp định này quy định khác.

ĐIỀU 4

Điều kiện chuyển giao

1. Theo Hiệp định này, người bị kết án chỉ có thể được chuyển giao nếu có đủ các điều kiện sau:

(a) Người bị kết án là công dân của Bên nhận; có nơi thường trú cuối cùng ở Bên nhận;

(b) Bản án đã có hiệu lực pháp luật và không còn bất kỳ thủ tục tố tụng nào đang chờ tiến hành, bao gồm cả các nghĩa vụ tài chính đối với người bị kết án tại Bên chuyển giao;

(c) Người bị kết án không bị kết án về một tội thuộc lĩnh vực quân sự;

(d) Tại thời điểm nhận được yêu cầu chuyển giao, người bị kết án vẫn còn phải chấp hành hình phạt ít nhất là một (01) năm, trừ trường hợp đặc biệt còn ít nhất sáu (06) tháng hoặc đang chấp hành hình phạt tù chung thân;

(e) Tội phạm, mà hình phạt được tuyên bị trừng phạt bằng việc tước quyền tự do theo pháp luật hình sự của Bên nhận;

(f) Việc chuyển giao người bị kết án không được xâm hại tới chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc bất kỳ lợi ích cơ bản nào khác của các Bên;

(g) Việc chuyển giao phải có sự đồng ý của người bị kết án, hoặc trong trường hợp một trong hai Bên khi xem xét các điều kiện về độ tuổi, tình trạng thể chất hoặc tâm thần của người bị kết án khi thấy cần thiết, có sự đồng ý của bất kỳ người nào khác đại diện hợp pháp cho người bị kết án phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên đó; và

(h) Bên chuyển giao và Bên nhận đều đồng ý việc chuyển giao.

2. Yêu cầu chuyển giao người bị kết án sẽ bị từ chối nếu Bên chuyển giao có căn cứ cho rằng người được chuyển giao có thể bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo tại Bên nhận.

ĐIỀU 5

Thủ tục chuyển giao

1. Các Bên sẽ nỗ lực thông báo cho người bị kết án về quyền được chuyển giao theo quy định của Hiệp định này.

2. Nếu người bị kết án đề đạt nguyện vọng được chuyển giao với Bên chuyển giao và Bên chuyển giao đồng ý về nguyên tắc với yêu cầu chuyển giao, thì Bên chuyển giao sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên nhận ngay khi có thể, đồng thời cung cấp các thông tin sau:

(a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, quốc tịch của người bị kết án và nơi ở cuối cùng hoặc địa chỉ thường trú cuối cùng của người đó tại Bên

nhận (nếu có) cùng với một bản sao hộ chiếu hoặc bất kỳ giấy tờ tùy thân nào khác và nếu có thể, cả dấu vân tay của người bị kết án;

(b) Bản mô tả tình tiết sự kiện làm cơ sở cho việc kết án và tuyên hình phạt;

(c) Bản chất, thời hạn và ngày bắt đầu chấp hành hình phạt, ngày chấp hành xong hình phạt, nếu có, thời gian đã chấp hành hình phạt của người bị kết án và bất kỳ sự miễn giảm hình phạt nào mà người đó được hưởng vì những việc đã làm, do có thái độ cải tạo tốt, do đã bị giam giữ trước khi xét xử hoặc vì lý do khác;

(d) Một bản sao chứng thực bản án và bản sao các quy định pháp luật có liên quan mà căn cứ vào đó hình phạt đã được tuyên đối với người bị kết án;

(e) Một bản báo cáo về tình trạng sức khỏe, quan hệ xã hội hoặc bất kỳ báo cáo nào khác liên quan đến tiểu sử và tính cách của người bị kết án, để làm cơ sở cho việc từ chối đơn xin chuyển giao của người đó hoặc để quyết định biện pháp giam giữ người đó, nếu có;

(f) Các thông tin khác do Bên nhận yêu cầu để giúp cho việc xem xét khả năng chuyển giao người bị kết án và giúp thông báo cho người bị kết án về hệ quả đầy đủ của việc chuyển giao theo luật của Bên nhận; và

(g) Văn bản đề nghị được chuyển giao của người bị kết án hoặc của người đại diện hợp pháp của người đó phù hợp với pháp luật của Bên chuyển giao.

3. Nếu người bị kết án đề đạt nguyện vọng được chuyển giao với Bên nhận, Bên nhận sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên chuyển giao. Nếu Bên chuyển giao đồng ý về nguyên tắc với yêu cầu chuyển giao, thì sẽ thông báo ngay khi có thể cho Bên nhận bằng văn bản và cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Nếu Bên nhận sau khi xem xét các thông tin do Bên chuyển giao cung cấp, đồng ý tiến hành việc chuyển giao thì thông báo ngay bằng văn bản cho Bên chuyển giao biết và cung cấp các thông tin sau:

(a) Một bản tuyên bố khẳng định người bị kết án này là công dân của Bên nhận phù hợp với quy định của Hiệp định này; và

(b) Một bản sao luật hiện hành của Bên nhận quy định rằng hành động hoặc không hành động làm căn cứ để tuyên hình phạt tại Bên chuyển giao cấu thành tội phạm theo pháp luật Bên nhận, hoặc có thể cấu thành tội phạm và bị tuyên hình phạt tước tự do nếu thực hiện trên lãnh thổ của Bên nhận; và

(c) Một thông báo về hiệu lực của bất kỳ luật hoặc quy định liên quan đến việc giam giữ người bị kết án tại Bên nhận sau khi người này được chuyển giao, kể cả một thông báo về việc áp dụng khoản 2 Điều 8 Hiệp định này đối với việc chuyển giao, nếu có;

(d) Văn bản xác nhận của Bên nhận đồng ý việc chuyển giao người bị kết án và bản cam kết thi hành phần thời hạn hình phạt còn lại của người bị kết án phạt tù; và

(e) Các thông tin hoặc tài liệu khác mà Bên chuyển giao xét thấy cần thiết.

5. Nếu Bên chuyển giao đồng ý với việc chuyển giao thì cung cấp cho Bên nhận những thông tin, tài liệu sau đây ngay khi có thể:

(a) Một bản tuyên bố đồng ý chuyển giao của người bị kết án;

(b) Văn bản khẳng định Bên chuyển giao đồng ý chuyển giao.

6. Khi các Bên đều đồng ý với việc chuyển giao thì sẽ chuẩn bị cho việc chuyển giao người bị kết án. Việc bàn giao người bị kết án từ cơ quan có thẩm quyền của Bên chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận sẽ được thực hiện vào thời gian và địa điểm trên lãnh thổ của Bên chuyển giao được hai Bên thống nhất.

7. Nếu một trong hai Bên quyết định không đồng ý với việc chuyển giao thì thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết ngay khi có thể, trong đó nêu rõ lý do không đồng ý.

8. Bên chuyển giao sẽ thông báo bằng văn bản cho người bị kết án về mọi hoạt động của Bên chuyển giao hoặc Bên nhận theo quy định tại Điều này.

ĐIỀU 6

Xác nhận sự đồng ý

1. Bên chuyển giao phải đảm bảo rằng người bị kết án phạt tù đồng ý với việc chuyển giao theo điểm g khoản 1 Điều 4 Hiệp định này là tự nguyện và với nhận thức đầy đủ về hậu quả pháp lý của việc chuyển giao. Thủ tục thể hiện sự đồng ý với việc chuyển giao sẽ tuân theo pháp luật của Bên chuyển giao.

2. Bên chuyển giao phải tạo điều kiện cho Bên nhận xác minh sự đồng ý của người bị kết án là phù hợp với các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

ĐIỀU 7

Hiệu lực của việc chuyển giao đối với Bên nhận

Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 của Hiệp định này, các cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận sẽ tiếp tục thi hành hình phạt bằng quyết định của Tòa án hoặc quyết định hành chính theo quy định của pháp luật quốc gia và phù hợp với các điều kiện được quy định tại Điều 8 của Hiệp định này.

ĐIỀU 8

Tiếp tục thi hành hình phạt tù

1. Bên nhận sẽ bị ràng buộc bởi bản chất pháp lý và thời hạn hình phạt của bản án mà Bên chuyển giao đã tuyên.

2. Nếu bản chất hoặc thời hạn của hình phạt đó không tương thích với pháp luật của Bên nhận thì Bên nhận có thể chuyển đổi hình phạt đó cho phù hợp với hình phạt mà pháp luật của nước mình quy định đối với tội phạm tương tự. Khi chuyển đổi hình phạt, cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận phải căn cứ vào các kết luận về tình tiết của vụ án được thể hiện trong biên bản làm việc của phiên tòa, cáo trạng, bản án hoặc hình phạt đã được Bên chuyển giao tuyên. Hình phạt chuyển đổi không được nghiêm khắc hơn hình phạt mà Bên chuyển giao đã tuyên về bản chất hoặc thời hạn cũng không vượt quá khung hình phạt cao nhất được quy định trong pháp luật của Bên nhận. Tuy nhiên, khi chuyển đổi hình phạt, cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận không được chuyển đổi hình phạt tù thành hình phạt tiền.

ĐIỀU 9

Hiệu lực của việc thi hành xong hình phạt đối với Bên chuyển giao

Khi Bên nhận thông báo bằng văn bản cho Bên chuyển giao về hình phạt đã được thi hành xong theo điểm a khoản 1 Điều 12 của Hiệp định này, thông báo đó sẽ có hiệu lực miễn trừ hình phạt của người bị kết án ở Bên chuyển giao.

ĐIỀU 10

Xem xét lại bản án và giảm án, đặc xá, đại xá

1. Chỉ Bên chuyển giao có thẩm quyền giải quyết đơn xin xem xét lại bản án.

2. Bên chuyển giao hoặc Bên nhận có thể quyết định đặc xá, đại xá hoặc giảm án phù hợp với Hiến pháp và các luật khác của mình.

ĐIỀU 11

Chấm dứt việc thi hành hình phạt

1. Bên chuyển giao sẽ thông báo bằng văn bản ngay cho Bên nhận bất kỳ quyết định nào được đưa ra trên lãnh thổ của Bên này mà dẫn đến chấm dứt việc thi hành toàn bộ hay một phần hình phạt.

2. Bên nhận sẽ chấm dứt thi hành toàn bộ hoặc một phần hình phạt ngay khi Bên chuyển giao thông báo về bất kỳ quyết định hoặc biện pháp nào mà hậu quả là chấm dứt thi hành hình phạt.

ĐIỀU 12

Thông tin về việc thi hành hình phạt

1. Bên nhận sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên chuyển giao:

(a) Khi hoàn thành việc thi hành hình phạt; hoặc

(b) Khi người bị kết án bỏ trốn khỏi nơi giam giữ hoặc chết trước khi chấp hành xong hình phạt. Trong trường hợp phạm nhân bỏ trốn, Bên nhận sẽ tiến hành các biện pháp để bắt giữ người đó và truy cứu trách nhiệm người đó vì hành vi bỏ trốn theo quy định pháp luật của Bên nhận.

2. Bên nhận sẽ cung cấp một bản báo cáo đặc biệt về việc thi hành hình phạt nếu Bên chuyển giao yêu cầu.

ĐIỀU 13

Chi phí

Chi phí phát sinh trong việc chuyển giao người bị kết án hoặc tiếp tục thi hành hình phạt sau khi chuyển giao do Bên nhận chi trả.

Bên chuyển giao sẽ thông báo chi phí của việc chuyển giao người bị kết án trên lãnh thổ của Bên chuyển giao tới Bên nhận và Bên nhận sẽ chi trả toàn bộ chi phí tại thời điểm chuyển giao.

ĐIỀU 14

Ngôn ngữ

Yêu cầu chuyển giao và các tài liệu kèm theo phải được lập bằng ngôn ngữ của Bên chuyển giao và được gửi kèm theo một bản dịch tiếng Anh được chứng thực, trừ trường hợp có thỏa thuận giữa các Bên.

ĐIỀU 15

Nghĩa vụ theo các điều ước quốc tế

Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên theo các điều ước quốc tế hoặc thoả thuận khác mà các Bên là thành viên.

ĐIỀU 16

Giải quyết bất đồng

1. Các cơ quan trung ương sẽ nỗ lực giải quyết song phương mọi bất đồng phát sinh từ việc giải thích, áp dụng hoặc thực hiện Hiệp định này.

2. Trong trường hợp các cơ quan trung ương không giải quyết được bất đồng, các Bên có thể giải quyết bất đồng thông qua kênh ngoại giao.

ĐIỀU 17

Bàn giao người bị kết án

1. Việc bàn giao người bị kết án từ Bên chuyển giao đến Bên nhận được thực hiện tại địa điểm và thời gian do các Bên thỏa thuận. Bên nhận chịu trách nhiệm về việc di chuyển phạm nhân từ Bên chuyển giao và cũng chịu trách nhiệm đối với việc giam giữ người bị kết án đó ở ngoài lãnh thổ của Bên chuyển giao.

2. Việc bàn giao người bị kết án phạt tù phải được lập bằng văn bản thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Lào và tiếng Anh.

ĐIỀU 18

Sửa đổi

Hiệp định này có thể được sửa đổi theo đề xuất của một Bên, bất kỳ sửa đổi nào được các Bên thống nhất sẽ có hiệu lực theo cùng cách thức như chính Hiệp định này.

ĐIỀU 19

Điều khoản cuối cùng

1. Hiệp định này phải được phê chuẩn theo pháp luật của mỗi Bên. Mỗi Bên sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên kia vào thời điểm sớm nhất có thể, thông qua kênh ngoại giao, về việc hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định sẽ có hiệu lực sau 30 ngày từ thời điểm nhận được thông báo sau cùng về việc phê chuẩn.

2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn. Tuy nhiên, Hiệp định này có thể chấm dứt hiệu lực khi một Bên gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hiệu lực cho Bên kia. Việc chấm dứt hiệu lực sẽ có hiệu lực sau 180 ngày kể từ ngày Bên kia nhận được thông báo đó.

3. Khi Hiệp định này chấm dứt hiệu lực, Hiệp định này vẫn tiếp tục được áp dụng đối với yêu cầu chuyển giao đã được gửi trước khi Hiệp định chấm dứt hiệu lực.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người ký tên dưới đây được ủy quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

Hiệp định này được làm thành hai bản tại thành phố Hà Nội vào ngày 04 tháng 01 năm 2020 bằng tiếng Việt, tiếng Lào và tiếng Anh, mỗi bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp này sinh bất đồng trong việc giải thích Hiệp định thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

THAY MẶT **CỘNG HÒA** **XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	**THAY MẶT** **CỘNG HÒA** **DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**
TÔ LÂM **Đại tướng - Bộ trưởng Bộ Công an**	**Vilay LAKHAMPHONG** **Thượng tướng - Bộ trưởng Bộ An ninh**

ສົນທິສັນຍາ
ວ່າດ້ວຍ ການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ
ລະຫວ່າງ
ລັດຖະບານແຫ່ງ ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ
ແລະ
ລັດຖະບານ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ

ລັດຖະບານ ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ຊຶ່ງຕໍ່ໄປນີ້ ເອີ້ນລວມກັນວ່າ "ຄູ່ພາຄີ";

ໂດຍປາຖະໜາ ເພື່ອອຳນວຍຄວາມສະດວກໃຫ້ແກ່ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ໄດ້ຮັບການຟື້ນຟູກັບຄືນສູ່ສັງຄົມ ຢູ່ໃນປະເທດຂອງຕົນ;

ໂດຍຍົກເວັ້ນ ກົດໝາຍ ຂອງຄູ່ພາຄີ ທີ່ມີຜົນສັກສິດ ກ່ຽວກັບການປະຕິບັດຄຳຕັດສິນລົງໂທດທາງອາຍາ;

ໂດຍຮັບຮູ້ວ່າ ຈຸດປະສົງ ແລະ ເປົ້າໝາຍຂອງສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ເພື່ອໃຫ້ໂອກາດແກ່ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດທາງອາຍາ ຊຶ່ງເປັນພົນລະເມືອງຂອງຄູ່ພາຄີ ໄດ້ສືບຕໍ່ໄປປະຕິບັດໂທດຢູ່ປະເທດຂອງຕົນ;

ໄດ້ຕົກລົງກັນດັ່ງນີ້:

ມາດຕາ 1
ການອະທິບາຍຄຳສັບ

ຄຳສັບທີ່ນຳໃຊ້ໃນສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ມີຄວາມໝາຍດັ່ງນີ້:

ກ. "ຄຳຕັດສິນ" ໝາຍເຖິງ ຄຳຕັດສິນ ຫຼື ຄຳພິພາກສາ ຂອງສານ ເພື່ອລົງໂທດ;

ຂ. "ພາຄີຝ່າຍຮັບ" ໝາຍເຖິງ ລັດ ຊຶ່ງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ອາດຈະຖືກໂອນຕົວໄປ ຫຼື ໄດ້ຮັບການໂອນຕົວໄປ ເພື່ອສືບຕໍ່ປະຕິບັດຄຳຕັດສິນ ຫຼື ປະຕິບັດໂທດທີ່ຍັງເຫຼືອ;

ຄ. "ພາຄີຝ່າຍໂອນ" ໝາຍເຖິງ ລັດ ທີ່ອາດຈະໂອນ ຫຼື ໄດ້ໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ;

ງ. "ການຕັດສິນລົງໂທດ" ໝາຍເຖິງ ການລົງໂທດຕັດອິດສະຫຼະພາບ ທີ່ມີກຳນົດ ຫຼື ຕະຫຼອດຊີວິດ ຕາມຄຳຕັດສິນຂອງສານ ຫຼື ຄຳສັ່ງຂອງສານ;

ຈ. "ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ" ໝາຍເຖິງ ບຸກຄົນທີ່ກຳລັງຖືກປະຕິບັດໂທດຕັດອິດສະຫຼະພາບ ຕາມຄຳຕັດສິນຂອງສານທີ່ໃຊ້ໄດ້ຢ່າງເດັດຂາດ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບກົດໝາຍທີ່ມີຜົນສັກສິດ ຂອງຄູ່ພາຄີ;

ມາດຕາ 2
ຫຼັກການທົ່ວໄປ

1. ຄູ່ພາຄີ ຕ້ອງໃຫ້ຄວາມຊ່ວຍເຫຼືອເຊິ່ງກັນ ແລະ ກັນ ໃນການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ໂດຍສອດຄ່ອງຕາມກົດໝາຍຂອງຄູ່ພາຄີ ແລະ ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້;

2. ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ທີ່ຢູ່ໃນດິນແດນຂອງພາຄີຝ່າຍໜຶ່ງ ອາດຈະຖືກໂອນຕົວ ຕາມສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ໄປຍັງດິນແດນຂອງພາຄີອີກຝ່າຍໜຶ່ງ ເພື່ອໃຫ້ຜູ້ກ່ຽວໄດ້ສືບຕໍ່ປະຕິບັດໂທດ ຕາມການຕັດສິນລົງໂທດ ຂອງພາຄີຝ່າຍໂອນ;

3. ການໂອນຕົວອາດຖືກຮ້ອງຂໍໂດຍ ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຫຼື ບຸກຄົນທີ່ເປັນຜົວນະມ່ານ ຫຼື ຍາດພີ່ນ້ອງ ທີ່ມີສັກຕາງໜ້າຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ດ້ວຍການຍິນຍອມຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຕໍ່ພາຄີຝ່າຍໃດຝ່າຍໜຶ່ງ ໂດຍໃຫ້ສອດຄ່ອງກັບກົດໝາຍຂອງຄູ່ພາຄີ;

4. ການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ອາດຈະຖືກຮ້ອງຂໍໂດຍພາຄີຝ່າຍໂອນ ຫຼື ພາຄີຝ່າຍຮັບ.

ມາດຕາ 3

ອົງການໃຈກາງ

1. ໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້, ຄູ່ພາຄີຕ້ອງແຕ່ງຕັ້ງອົງການໃຈກາງຂອງຕົນ.

2. ອົງການໃຈກາງທີ່ມີຄວາມຮັບຜິດຊອບ ໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຄື:

- ສຳລັບ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແມ່ນກະຊວງກໍາມະການ.

- ສຳລັບ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແມ່ນກະຊວງປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ;

3. ໃນກໍລະນີ ພາຄີຝ່າຍໜຶ່ງຫາກມີການປ່ຽນແປງອົງການໃຈກາງຂອງຕົນ ຕ້ອງແຈ້ງເປັນລາຍລັກອັກສອນ ໃຫ້ພາຄີອີກຝ່າຍໜຶ່ງຊາບຢ່າງທັນການ ໂດຍຜ່ານທາງການທູດ;

4. ເມື່ອບັນລຸຈຸດປະສົງຂອງສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ອົງການໃຈກາງຂອງຄູ່ພາຄີ ອາດພົວພັນກັນໂດຍກົງ, ປຶກສາຫຼື ກໍລະນີສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ໄດ້ກຳນົດເປັນຢ່າງອື່ນ.

ມາດຕາ 4

ເງື່ອນໄຂການໂອນຕົວ

1. ໂດຍພາຍໃຕ້ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດອາດຈະຖືກໂອນຕົວໄດ້ ຕາມເງື່ອນໄຂດັ່ງນີ້:

ກ. ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດຕ້ອງແມ່ນພົນລະເມືອງຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບ ຊຶ່ງມີທີ່ຢູ່ປ່ອນສຸດທ້າຍ ໃນດິນແດນ ຂອງ ພາຄີຝ່າຍຮັບ;

ຂ. ຄຳຕັດສິນ ຫຼື ຄຳພິພາກສາ ຂອງສານທີ່ໃຊ້ໄດ້ຢ່າງເດັດຂາດແລ້ວ ແລະ ບໍ່ມີການພົວພັນກັນ ການກໍ່ເປັນຄະດີໃດໜຶ່ງ ທີ່ກໍາລັງລໍຖ້າການຝ້າລະມັດລະວັງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດຢູ່ໃນດິນແດນຂອງພາຄີຝ່າຍໂອນ; ລວມທັງ ຄ່າໃຊ້ຈ່າຍ ຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ທີ່ເກີດຂຶ້ນຢູ່ດິນແດນຂອງພາຄີຝ່າຍໂອນ.

ຄ. ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ບໍ່ໄດ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ການກະທຳຜິດທາງອາຍາ;

ງ. ໃນເວລາທີ່ໄດ້ຮັບຄຳຮ້ອງສຳລັບການໂອນຕົວ, ໄລຍະເວລາການປະຕິບັດໂທດຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຢ່າງໜ້ອຍຕ້ອງມີຫຼືເຫຼືອບໍ່ຕ່ຳກວ່າ ໜຶ່ງ ປີ, ນັບຈົນກໍລະນີພິເສດ ໄລຍະເວລາປະຕິບັດໂທດ ຕ້ອງມີຫຼືເຫຼືອບໍ່ຕ່ຳກວ່າ ຫົກ ເດືອນ ຫຼື ຖືກໂທດຕັດອິດສະລະພາບຕະຫຼອດຊີວິດ;

ຈ. ການກະທຳຜິດທີ່ເປັນພື້ນຖານຂອງການຕັດສິນລົງໂທດ ຕ້ອງແມ່ນການກະທຳຜິດທາງອາຍາ ຕາມກົດໝາຍ ຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບ;

ສ. ການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ບໍ່ແຕະຕ້ອງເຖິງ ອຳນາດອະທິປະໄຕ, ຄວາມໝັ້ນຄົງຂອງຊາດ ຫຼື ຜົນປະໂຫຍດຜົນຖານອື່ນ ຂອງຄູ່ຝາຄີ;

ຊ. ການໂອນຕົວ ຕ້ອງໄດ້ຮັບການເຫັນດີຈາກ ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຫຼື ຈາກຜູ້ປົກປ້ອງທາງດ້ານກົດໝາຍ ຊຶ່ງຄູ່ຝາຄີຝ່າຍໜຶ່ງເຫັນວ່າມີຄວາມຈຳເປັນ ຍ້ອນເງື່ອນໄຂທາງດ້ານອາຍຸກະສຽນ ຫຼື ການຜິການ ທາງດ້ານຮ່າງກາຍ ແລະ ທາງສະໝອງ ຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ;

ຍ. ຄູ່ຝາຄີ ຝ່າຍໂອນ ແລະ ຝ່າຍຮັບ ລ້ວນແຕ່ເຫັນດີຕໍ່ການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ.

2. ການຮ້ອງຂໍໃຫ້ມີການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດອາດຈະຖືກປະຕິເສດໄດ້ ຖ້າວ່າ ຝາຄີຝ່າຍໂອນ ໄດ້ມີການອ້າງອີງວ່າຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດອາດຈະຖືກ ທໍລະມານ ຫຼື ການລົງໂທດຢ່າງໂທດຮ້າຍສາມານ, ບໍ່ມີ ມະນຸດສະທຳ ຈາກຝາຄີຝ່າຍຮັບ.

ມາດຕາ 5
ຂັ້ນຕອນການໂອນຕົວ

1. ຄູ່ຝາຄີ ຕ້ອງແຈ້ງໃຫ້ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດຊາບ ກ່ຽວກັບເນື້ອໃນສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້;

2. ຖ້າວ່າຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດສະແດງເຈດຈຳນົງເຖິງຝາຄີຝ່າຍໂອນ ເພື່ອຂໍໃຫ້ໂອນຕົວ ແລະ ຝາຄີຝ່າຍ ໂອນກໍ່ມີຄວາມເຫັນພ້ອມດ້ານຫຼັກການ ຕໍ່ການສະເໜີເຈດຈຳນົງຂອງການໂອນນັ້ນ, ຝາຄີຝ່າຍໂອນຈະແຈ້ງໃຫ້ຝາຄີ ຝ່າຍຮັບຊາບເປັນລາຍລັກອັກສອນຢ່າງທັນການ ພ້ອມທັງສະໜອງຂໍ້ມູນດັ່ງ ຕໍ່ໄປນີ້:

(ກ). ຊື່ ແລະ ນາມສະກຸນ, ວັນ ເດືອນ ປີ ເກີດ, ສະຖານທີ່ເກີດ ຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ, ສັນຊາດ ແລະ ທີ່ຢູ່ຖາວອນ ຫຼື ບ່ອນຢູ່ອາໄສສຸດທ້າຍຂອງຜູ້ກ່ຽວ ໃນຝາຄີຝ່າຍຮັບພ້ອມດ້ວຍອັດສຳເນົາໜັງສືເດີນທາງ ຫຼື ເອກະສານຢືງຢັນສະຖານະພາບ ແລະ ລາຍນິ້ວມື ຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ;

(ຂ). ຄຳຖະແຫຼງການກະທຳຜິດ ທີ່ເປັນບ່ອນອີງສຳລັບການວາງໂທດ ແລະ ຕັດສິນລົງໂທດ;

(ຄ). ເນື້ອໃນການລົງໂທດ, ໄລຍະການປະຕິບັດໂທດ, ວັນ ເລີ້ມຕົ້ນ ແລະ ສິ້ນສຸດ ການປະຕິບັດໂທດ, ໄລຍະເວລາຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ໄດ້ປະຕິບັດໂທດຜ່ານມາແລ້ວ ແລະ ການຫຼຸດຜ່ອນໂທດໃດໜຶ່ງ ທີ່ຜູ້ກ່ຽວໄດ້ຮັບ ຍ້ອນມີຜົນງານດີ, ຄວາມປະພຶດດີ, ການຖືກກັກຂັງ ກ່ອນການຕັດສິນຄະດີ ຫຼື ເຫດຜົນ ອື່ນໆ;

(ງ). ສຳເນົາຄຳຕັດສິນ ແລະ ຂໍ້ມູນ ກ່ຽວກັບກົດໝາຍ ທີ່ເປັນບ່ອນອີງສຳລັບການຕັດສິນລົງໂທດ;

(ຈ). ບົດລາຍງານ ກ່ຽວກັບການຢືງຢັນສຸຂະພາບ, ການຝົວຝັນສັງຄົມ ແລະ ປະຫວັດ ການເຄື່ອນໄຫວອື່ນໆ ລວມທັງບຸກຄະລິກກະພາບຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ເພື່ອເປັນຜົ້ນຖານໃຫ້ແກ່ການປະຕິເສດ ຄຳຮ້ອງຂໍການໂອນຕົວຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຫຼື ເພື່ອກຳນົດມາດຕະການກັກຂັງ ຕໍ່ຜູ້ກ່ຽວ;

(ສ). ຂໍ້ມູນອື່ນ ທີ່ຝາຄີຝ່າຍຮັບສະເໜີມາ ເພື່ອຊ່ວຍໃຫ້ແກ່ການຜິຈາລະນາຄວາມເປັນໄປໄດ້ ຂອງການ ໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ແລະ ແຈ້ງໃຫ້ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດຊາບຢ່າງຄົບຖ້ວນ ກ່ຽວກັບການໂອນຕົວຜູ້ກ່ຽວ ຕາມກົດໝາຍຂອງຝາຄີຝ່າຍຮັບ;

(ຊ). ຄຳຮ້ອງຂໍໂອນຕົວ ຂອງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຫຼື ຜູ້ປົກປ້ອງທາງກົດໝາຍຂອງຜູ້ກ່ຽວ ຕ້ອງ ສອດຄ່ອງ ກັບກົດໝາຍຂອງຝາຄີຝ່າຍໂອນ.

3. ຖ້າວ່າ ຜູ້ຖືກລ້ຽງສັນລ້ຽງໃຫ້ການຊະນະຄະດີ ເຖິງພາຄີຝ່າຍຮັບເພື່ອຂໍໂອນຕົວ, ພາຄີຝ່າຍຮັບຈະຕ້ອງແຈ້ງ ເຈົ້າໜ້າທີ່ດັ່ງກ່າວ ໃຫ້ພາຄີຝ່າຍໂອນໂດຍເປັນລາຍລັກອັກສອນ, ຖ້າວ່າພາຄີຝ່າຍໂອນ ຫາກເຫັນເປັນທາງດ້ານ ຫຼັກການ ກ່ຽວກັບການຮ້ອງຂໍໂອນຕົວ, ພາຄີຝ່າຍໂອນ ຕ້ອງແຈ້ງໃຫ້ພາຄີຝ່າຍຮັບຊາບເປັນລາຍລັກອັກສອນ ແລະ ສະໜອງຂໍ້ມູນ ທີ່ກ່ຽວ ຂ້ອງຢ່າງຄົບຖ້ວນ ດັ່ງທີ່ໄດ້ລະບຸໄວ້ໃນ ຂໍ້ 2 ຂອງມາດຕານີ້.

4. ຖ້າວ່າ ພາຄີຝ່າຍຮັບໄດ້ພິຈາລະນາຂໍ້ມູນ ທີ່ໄດ້ຮັບຈາກພາຄີຝ່າຍໂອນແລ້ວ, ພາຄີຝ່າຍຮັບຍັງຢາກຫຼີນຕໍ່ ກໍລະນີການໂອນຕົວ; ພາຄີຝ່າຍຮັບຈະຕ້ອງແຈ້ງ ໃຫ້ພາຄີຝ່າຍໂອນຊາບເປັນລາຍລັກອັກສອນຢ່າງທັນການ ແລະ ສະໜອງຂໍ້ມູນໃຫ້ ດັ່ງຕໍ່ໄປນີ້:

(ກ). ໜັງສືຢັ້ງຢືນ ການເປັນພົນລະເມືອງຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບສົນທິສັນຍາ ສະບັບນີ້;

(ຂ). ສຳເນົາກົດໝາຍທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບ ທີ່ໄດ້ກຳນົດການກະທຳ ຫຼື ການເຄື່ອນໄຫວ ອັນເປັນ ລາຍເຫດໃຫ້ມີການລ້ຽງສັນລ້ຽງໃຫ້ການ ຊຶ່ງພາຄີຝ່າຍໂອນ ຖືເປັນຄວາມຜິດທາງອາຍາ ຕາມກົດໝາຍຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບ ຫຼື ຈະເປັນການກະທຳຜິດທາງອາຍາ ແລະ ຖືກລົງໂທດປະຫານຊີວິດ ຖ້າວ່າກະທຳຢູ່ໃນເຂດແດນຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບ;

(ຄ). ໜັງສືຢັ້ງຢືນ ກ່ຽວກັບກົດໝາຍ ຫຼື ລະບຽບການຕ່າງໆ ທີ່ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ໃນປັດຈຸບັນ ຊຶ່ງພົວພັນ ກັບຜູ້ຖືກລ້ຽງສັນລ້ຽງໃຫ້ການ ແລະ ກ່ຽວຂ້ອງກັບການຄຸມຂັງຜູ້ກ່ຽວ ຢູ່ໃນປະເທດພາຄີຝ່າຍຮັບພາຍຫຼັງການໂອນຕົວ ແລ້ວ, ລວມທັງເອກະສານຕ່າງໆ ທີ່ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ ຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ໃນ ຂໍ້ 2 ມາດຕາ 8 ຂອງສົນທິສັນຍາ ສະບັບນີ້;

(ງ). ໜັງສືຢັ້ງຢືນ ຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບຕົກລົງເຫັນດີຕໍ່ການຮັບເອົາການໂອນຕົວຜູ້ຖືກລ້ຽງສັນລ້ຽງໃຫ ແລະ ໜັງສືຢັ້ງຢືນຮັບປະກັນ ເຫັນດີສືບຕໍ່ປະຕິບັດໂທດທີ່ຍັງເຫຼືອ ຂອງຜູ້ຖືກລ້ຽງສັນລ້ຽງໃຫ;

(ຈ). ບັນດາຂໍ້ມູນ ຫຼື ເອກະສານອື່ນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ຊຶ່ງພາຄີຝ່າຍໂອນເຫັນວ່າມີຄວາມຈຳເປັນຕ້ອງ ພິຈາລະນາ.

5. ຖ້າວ່າພາຄີຝ່າຍໂອນຕົກລົງເຫັນດີໂອນຕົວຜູ້ຖືກລ້ຽງສັນລ້ຽງໃຫ ພາຄີຝ່າຍໂອນຕ້ອງສະໜອງຂໍ້ມູນ ແລະ ເອກະສານທີ່ກ່ຽວຂ້ອງໃຫ້ພາຄີຝ່າຍຮັບໂດຍທັນທີ ດັ່ງນີ້:

(ກ). ໜັງສືຢັ້ງຢືນຕົກລົງເຫັນດີໃຫ້ໂອນຕົວ ຂອງຜູ້ຖືກລ້ຽງສັນລ້ຽງໃຫ;

(ຂ). ຂໍ້ຕົກລົງເຫັນດີໂອນຕົວຜູ້ຖືກລ້ຽງສັນລ້ຽງໃຫ ຂອງພາຄີຝ່າຍໂອນ.

6. ເມື່ອຄູ່ພາຄີແຕ່ລະຝ່າຍເຫັນດີຕໍ່ການໂອນຕົວແລ້ວ ຄູ່ພາຄີກໍຈະດຳເນີນການກະກຽມການໂອນຕົວຜູ້ຖືກ ລ້ຽງສັນລ້ຽງໃຫ. ການມອບໂອນຕົວຜູ້ຖືກລ້ຽງສັນລ້ຽງໃຫ ໂດຍຜ່ານອົງການໃຈກາງຂອງພາຄີຝ່າຍໂອນ ໃຫ້ແກ່ ອົງການໃຈກາງຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບ ຈະໄດ້ ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໃນ ວັນ, ເວລາ ແລະ ສະຖານທີ່ຢູ່ໃນດິນແດນ ຂອງພາຄີ ຝ່າຍໂອນ ຕາມການຕົກລົງເຫັນດີເປັນເອກະພາບ ຂອງຄູ່ພາຄີທັ້ງສອງຝ່າຍ;

7. ຖ້າວ່າຄູ່ພາຄີຝ່າຍໃດຝ່າຍໜຶ່ງບໍ່ເຫັນດີ ຕໍ່ການໂອນຕົວ, ພາຄີຝ່າຍນຶ່ນ ຈະແຈ້ງໃຫ້ພາຄີອີກຝ່າຍໜຶ່ງຊາບ ເປັນ ລາຍລັກອັກສອນ, ຊຶ່ງລະບຸເຫດຜົນທີ່ບໍ່ເຫັນດີຢ່າງລະອຽດ.

8. ພາຄີຝ່າຍໂອນຈະຕ້ອງແຈ້ງເປັນລາຍລັກອັກສອນ ໃຫ້ຜູ້ຖືກລ້ຽງສັນລ້ຽງໃຫຮັບຊາບຕໍ່ການດຳເນີນການ ໃນ ການໂອນຕົວຂອງ ຄູ່ພາຄີ ຕາມທີ່ໄດ້ລະບຸໄວ້ໃນມາດຕານີ້.

ມາດຕາ 6

ການຢັ້ງຢືນຕົກລົງເຫັນດີ

1. ພາຄີຝ່າຍໂອນ ຈະຕ້ອງຮັບປະກັນວ່າຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດຍິນຍອມຕໍ່ການໂອນຕົວ ໂດຍໃຫ້ສອດຄ່ອງຕາມ ວັກ (ຊ) ຂໍ້ 1 ຂອງ ມາດຕາ 4 ພາຍໃຕ້ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ດ້ວຍຄວາມສະໝັກໃຈ ແລະ ຮັບຮູ້ຢ່າງຄົບຖ້ວນ ຕໍ່ຜົນສະທ້ອນທາງກົດໝາຍຂອງການໂອນຕົວ. ຂຶ້ນຕອນໃນການເຫັນດີກ່ຽວກັບການໂອນຕົວນັ້ນ ຈະຕ້ອງປະຕິບັດຕາມກົດໝາຍຂອງພາຄີ ຝ່າຍໂອນ;

2. ພາຄີຝ່າຍໂອນ ຈະຕ້ອງສ້າງເງື່ອນໄຂໃຫ້ແກ່ພາຄີຝ່າຍຮັບ ໃນການກວດສອບ ການຢັ້ງຢືນ ຕົກລົງເຫັນດີ ຂອງ ຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບບັນດາເງື່ອນໄຂທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ໃນ ຂໍ້ 1 ຂອງມາດຕານີ້.

ມາດຕາ 7

ຜົນບັງຄັບການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສັນຍາຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບ

1. ອົງການໃຈກາງຂອງຄູ່ພາຄີຝ່າຍຮັບ ຈະສືບຕໍ່ປະຕິບັດຄຳຕັດສິນລົງໂທດ ຕາມຄຳຕັດສິນ ຂອງສານ ຫຼື ຂໍ້ກຳນົດກົດລະບຽບທາງດ້ານບໍລິຫານ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບກົດໝາຍ ແລະ ບັນດາເງື່ອນໄຂ ທີ່ໄດ້ກຳນົດໃນມາດຕາ 8 ຂອງສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້.

2. ຍົກເວັ້ນບັນດາກໍລະນີທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ໃນ ຂໍ້ 2 ມາດຕາ 10 ຂອງສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້.

ມາດຕາ 8

ການສືບຕໍ່ການປະຕິບັດຄຳຕັດສິນລົງໂທດ

1. ພາຄີຝ່າຍຮັບຈະມີຜັນທະໃນການປະຕິບັດໂທດ ຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ໃນກົດໝາຍ ແລະ ໄລຍະເວລາປະຕິບັດໂທດ ຂອງຄຳຕັດສິນທີ່ພາຄີຝ່າຍໂອນ ໄດ້ກຳນົດ;

2. ຖ້າວ່າຄຳຕັດສິນລົງໂທດຫາກບໍ່ສອດຄ່ອງທາງດ້ານເນື້ອໃນຂອງການລົງໂທດ ຫຼື ໄລຍະເວລາ ຂອງການປະຕິບັດໂທດຕາມກົດໝາຍ ແລະ ລະບຽບການຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບ, ພາຄີຝ່າຍຮັບອາດຈະດັດປັບຄຳຕັດສິນລົງໂທດ ນັ້ນໃຫ້ສອດຄ່ອງກັບຄຳຕັດສິນລົງໂທດ ທີ່ລະບຸໃນກົດໝາຍຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບ;

ຕໍ່ກັບການກະທຳຜິດໃນສະຖານຄວາມຜິດທີ່ຄ້າຍຄືກັນ ເມື່ອມີການດັດປັບຄຳຕັດສິນລົງໂທດ, ອົງການທີ່ກ່ຽວ ຂ້ອງ ຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບ ຈະຕ້ອງອົງໃສ່ຫຼັກຖານທາງດ້ານເອກະສານ ຊຶ່ງພາຄີຝ່າຍໂອນ ໄດ້ນຳໃຊ້ເຂົ້າໃນການ ຕັດສິນລົງ ໂທດນັ້ນ.

ໂທດທີ່ດັດປັບໃໝ່ນັ້ນ ຈະຕ້ອງປະຕິບັດໂທດບໍ່ເກີນກວ່າຄຳຕັດສິນ ຂອງພາຄີຝ່າຍໂອນ ລວມທັງດ້ານເນື້ອໃນຂອງການລົງໂທດ ຫຼື ໄລຍະເວລາປະຕິບັດໂທດ ຫຼື ບໍ່ເກີນໂທດສູງສຸດ ຕາມທີ່ລະບຸໄວ້ໃນກົດໝາຍຂອງພາຄີ ຝ່າຍຮັບ.ເຖິງຢ່າງໃດກໍ່ຕາມ ການດັດປັບຄຳຕັດສິນລົງໂທດ, ອົງການໃຈກາງຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບຈະບໍ່ປ່ຽນໂທດ ຕັດອີດສະລະພາບເປັນໂທດປັບໄໝ ແຕ່ຢ່າງໃດ.

ມາດຕາ 9

ການປະຕິບັດຄຳຕັດສິນລົງໂທດທີ່ສຳເລັດແລ້ວຢູ່ພາຄີຝ່າຍໂອນ

ເມື່ອພາຄີຝ່າຍຮັບ ໄດ້ປະຕິບັດໂທດຕັດອິດສະຫຼະພາບຄົບຕາມກຳນົດ ທີ່ສານຕັດສິນແລ້ວ ຕ້ອງແຈ້ງຢ່າງເປັນລາຍຫຼັກອັກສອນໃຫ້ພາຄີຝ່າຍໂອນຊາບ ຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ໃນ ຂໍ້ 1 (ກ) ມາດຕາ 12 ຂອງສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້, ແຈ້ງການສະບັບດັ່ງກ່າວ ຈະມີຜົນດໍ່ການຍົກເລີກຂອງການຕັດສິນລົງໂທດ ຢູ່ໃນຄູ່ສັນຍາຝ່າຍໂອນ.

ມາດຕາ 10

ການພິຈາລະນາຄືນໃຫ່ຂອງ ຄຳພິພາກສາ ແລະ ການຫຼຸດຜ່ອນໂທດ, ການອະໄພຍະໂທດ, ນິລະໂທດສະກຳ

1. ພາຄີຝ່າຍໂອນເທົ່ານັ້ນ ທີ່ມີສິດແກ້ໄຂຄຳຮ້ອງຂໍການພິຈາລະນາຄືນໃຫ່ຂອງຄຳພິພາກສາ.

2. ຄູ່ພາຄີຝ່າຍໂອນ ຫຼື ພາຄີຝ່າຍຮັບ ອາດຈະກົກລົງອະນຸຍາດໃຫ້ອະໄພຍະໂທດ, ນິລະໂທດສະກຳ ຫຼື ການຫຼຸດຜ່ອນໂທດ ໂດຍສອດຄ່ອງຕາມລັດຖະທຳມະນູນ ແລະ ກົດໝາຍພາຍໃນຂອງຕົນ.

ມາດຕາ 11

ການສິ້ນສຸດການປະຕິບັດການລົງໂທດ

1. ພາຄີຝ່າຍໂອນ ຕ້ອງແຈ້ງເປັນລາຍລັກອັກສອນໃຫ້ພາຄີຝ່າຍຮັບຊາບຢ່າງທັນການ ກ່ຽວກັບ ລະບຽບການ ຫຼື ມາດຕະການ ທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ຢູ່ໃນລັດຂອງພາຄີຝ່າຍໂອນ ທີ່ມີຜົນດໍ່ການປະຕິບັດການລົງໂທດ ທັງໝົດ ຫຼື ສ່ວນໃດໜຶ່ງ;

2. ພາຄີຝ່າຍຮັບ ຕ້ອງຍົກເລີກການປະຕິບັດການລົງໂທດ ທັງໝົດ ຫຼື ສ່ວນໃດໜຶ່ງ ຢ່າງທັນການ ໃນເມື່ອ ພາຄີຝ່າຍໂອນ ໄດ້ແຈ້ງກ່ຽວກັບ ລະບຽບການ ຫຼື ມາດຕະການ ທີ່ມີຜົນດໍ່ການຕັດສິນລົງໂທດ.

ມາດຕາ 12

ຂໍ້ມູນກ່ຽວກັບການປະຕິບັດການລົງໂທດ

1. ພາຄີຝ່າຍຮັບ ຈະຕ້ອງແຈ້ງເປັນລາຍລັກອັກສອນໃຫ້ພາຄີຝ່າຍໂອນຊາບ:

(ກ). ເມື່ອສຳເລັດການປະຕິບັດການລົງໂທດ;

(ຂ). ຖ້າວ່າຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດໄດ້ໂຕນໜີຈາກສະຖານທີ່ຄຸມຂັງ ຫຼື ເສຍຊີວິດ ກ່ອນກຳນົດການປະຕິບັດໂທດສຳເລັດຕາມຄຳຕັດສິນຂອງສານ. ໃນກໍລະນີຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດໂຕນໜີ, ພາຄີຝ່າຍຮັບຈະດຳເນີນທຸກມາດຕະການ ເພື່ອຈັບກຸມ ແລະ ນຳເອົາຜູ້ກ່ຽວມາຮັບໂທດເພີ່ມ ຕາມກົດໝາຍທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບ.

2. ພາຄີຝ່າຍຮັບ ຈະສະໜອງຂໍ້ມູນກ່ຽວກັບການປະຕິບັດຄຳຕັດສິນລົງໂທດ, ຖ້າວ່າພາຄີຝ່າຍໂອນຫາກມີຄວາມ ຕ້ອງການ.

ມາດຕາ 13

ຄ່າໃຊ້ຈ່າຍ

ຄ່າໃຊ້ຈ່າຍຄ່າງງ ທີ່ເກີດຂຶ້ນຈາກການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຫຼື ການສືບດໍ່ການປະຕິບັດຄຳຕັດສິນລົງໂທດ ພາຍຫຼັງການໂອນຕົວ ເປັນຄວາມຮັບຜິດຊອບຂອງພາຄີຝ່າຍຮັບ.

ພາຄີຝ່າຍໂອນ ຕ້ອງແຈ້ງຄ່າໃຊ້ຈ່າຍຕ່າງໆ ຈາກການໂອນຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດຢູ່ໃນດິນແດນຂອງພາຄີຝ່າຍໂອນ ໃຫ້ພາ ຄີຝ່າຍຮັບຊາບລ່ວງໜ້າ ແລະ ພາຄີຝ່າຍຮັບຕ້ອງສຳລະຄ່າໃຊ້ຈ່າຍໃນເວລາມອບຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ.

ມາດຕາ 14

ພາສາ

ການຮ້ອງຂໍ ແລະ ການສະໜອງເອກະສານຕ່າງໆ ຈະຕ້ອງເປັນພາສາຂອງພາຄີຝ່າຍໂອນ ແລະ ຈະຕ້ອງໄດ້ຮັບການຢັ້ງຢືນໃນການແປເປັນພາສາອັງກິດ ເວັ້ນເສຍແຕ່ໄດ້ຮັບການຕົກລົງເຫັນດີ ຂອງພາຄີທັງສອງຝ່າຍ.

ມາດຕາ 15

ຜັນທະພາຍໃຕ້ສົນທິສັນຍາສາກົນອື່ນໆ

ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ຈະບໍ່ມີຜົນກະທົບຕໍ່ສິດ ແລະ ຜັນທະ ຂອງຄູ່ພາຄີພາຍໃຕ້ສົນທິສັນຍາສາກົນ ຫຼື ສັນຍາສາກົນອື່ນໆ ທີ່ຄູ່ພາຄີເປັນພາຄີ.

ມາດຕາ 16

ການແກ້ໄຂຂໍ້ຂັດແຍ່ງ

1. ອົງການໃຈກາງ ຈະເປັນເຈົ້າການແກ້ໄຂທຸກຂໍ້ຂັດແຍ່ງ ທີ່ເກີດຂຶ້ນລະຫວ່າງສອງຝ່າຍຢ່າງດົ້ງໜ້າ ທີ່ເກີດ ຈາກການຕີຄວາມໝາຍ, ການນຳໃຊ້ ຫຼື ການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້.

2. ຖ້າວ່າ ອົງການໃຈກາງບໍ່ສາມາດຕົກລົງກັນໄດ້, ຂໍ້ຂັດແຍ່ງຈະຖືກແກ້ໄຂໂດຍຜ່ານທາງການທູດ.

ມາດຕາ 17

ການມອບຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ

1. ການມອບຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຈາກພາຄີຝ່າຍໂອນຫາພາຄີຝ່າຍຮັບ ຈະໄດ້ດຳເນີນຕາມ ວັນ, ເວລາ ແລະ ສະຖານທີ່ ຊຶ່ງຄູ່ພາຄີທັງສອງຝ່າຍໄດ້ຕົກລົງເຫັນດີ. ພາຄີຝ່າຍຮັບຈະຕ້ອງຮັບຜິດຊອບ ກ່ຽວກັບການເຄື່ອນຍ້າຍຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຈາກພາຄີຝ່າຍໂອນ ແລະ ຮັບຜິດຊອບ ກ່ຽວກັບການຄຸມຂັງຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຢູ່ນອກດິນແດນຂອງພາຄີຝ່າຍໂອນ;

2. ການມອບຕົວຜູ້ຖືກຕັດສິນລົງໂທດ ຈະຕ້ອງຂຽນເປັນລາຍລັກອັກສອນ ເປັນພາສາຫວຽດນາມ, ພາສາ ລາວ ແລະ ພາສາ ອັງກິດ;

ມາດຕາ 18

ການດັດແກ້ສົນທິສັນຍາ

ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ອາດຈະໄດ້ຮັບການດັດແກ້ປັບຢຸງບົນພື້ນຖານການສະເໜີຂອງຄູ່ພາຄີໃດໜຶ່ງ, ການດັດແກ້ໃດໜຶ່ງ ຕ້ອງໄດ້ຮັບການຕົກລົງເຫັນດີເຫັນພ້ອມນຳກັນ ຈາກຄູ່ພາຄີທັງສອງຝ່າຍ ແລະ ຈະມີຜົນສັກສິດປ່ຽນແທນສົນທິສັນຍາສະບັບຕົ້ນ.

ມາດຕາ 19
ບົດບັນຍັດສຸດທ້າຍ

1. ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຈະໃຫ້ສັດຕະຍາບັນ ພາຍໃຕ້ກົດໝາຍຂອງຄູ່ພາຄີແຕ່ລະຝ່າຍ. ຄູ່ພາຄີ ແຕ່ລະຝ່າຍ ຈະແຈ້ງເປັນລາຍລັກອັກສອນໃຫ້ອີກຝ່າຍໜຶ່ງຊາບຢ່າງທັນການ ໂດຍຜ່ານທາງການທູດ, ການສຳເລັດຂັ້ນຕອນພາຍໃນທາງດ້ານກົດໝາຍອັນຈຳເປັນຂອງຕົນ ເພື່ອຍົກໃຫ້ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້. ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຈະມີຜົນ ບັງຄັບໃຊ້ພາຍໜຶ່ງ 30 ວັນ ນັບແຕ່ມື້ທີ່ໄດ້ຮັບແຈ້ງການ.

2. ສົນທິສັນຍາຈະມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ ຈົນກວ່າຈະມີການຢົກເລີກໂດຍຄູ່ພາຄີຝ່າຍໃດຝ່າຍໜຶ່ງ ໂດຍການແຈ້ງເປັນລາຍລັກອັກສອນໄປຍັງຄູ່ພາຄີອີກຝ່າຍໜຶ່ງ. ສົນທິສັນຍາຈະຖືກຢົກເລີກພາຍໜຶ່ງ 180 ວັນ ນັບແຕ່ມື້ທີ່ໄດ້ຮັບແຈ້ງການ.

3. ໃນເມື່ອມີການຢົກເລີກສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ກໍ່ຕາມ, ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຍັງຄົງຕໍ່ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ ຕໍ່ການຮ້ອງຂໍຂອນຖິວຜູ້ຖືກລັດສົນລີ້ງໃດ ທີ່ໄດ້ມີຄຳຮ້ອງກ່ອນໜ້າ ຂອງວັນຢົກເລີກສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້.

ເພື່ອເປັນຫຼັກຖານ, ຜູ້ລົງນາມທີ່ໄດ້ຮັບການມອບອຳນາດຢ່າງຖືກຕ້ອງຈາກລັດຖະບານ ຈຶ່ງໄດ້ລົງນາມໃນສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້.

ເຮັດທີ່ ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ ສສ.ຫວຽດນາມ, ໃນວັນທີ 4 ມັງກອນ 2020, ເປັນ 02 ສະບັບຕົ້ນ, ພາສາຫວຽດນາມ, ພາສາລາວ ແລະ ພາສາອັງກິດ, ແຕ່ລະສະບັບມີຄຸນຄ່າທຽບເທົ່າທຽມກັນ. ໃນກໍລະນີທີ່ມີ ການຕີຄວາມໝາຍແຕກຕ່າງກັນ ໃຫ້ໃຊ້ສະບັບພາສາອັງກິດເປັນຫຼັກ.

ຕາງໜ້າ ລັດຖະບານສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ

ໄກສອນ

ລັດຖະມົນຕີ ກະຊວງ ຕ່າງປະເທດ

ຕາງໜ້າ ລັດຖະບານ ສປປ ລາວ

ວິໄລ ສຸກສົງຄາ

ລັດຖະມົນຕີ ກະຊວງ ປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ

TREATY

ON

THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS

BETWEEN

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC

The Socialist Republic of Viet Nam and The Lao People's Democratic Republic (hereinafter referred to individually as the Party and collectively as the Parties),

Desiring to facilitate the social rehabilitation of sentenced persons into their own countries,

Taking into consideration the laws of the Parties in force regarding enforcement of penal sentences,

Considering that this objective should be fulfilled by giving citizens of the Parties, who have been convicted and sentenced as a result of their commission of an offence, the opportunity to serve their sentences in their own country,

Have agreed as follows:

ARTICLE 1

Definitions

For the purpose of this Treaty:

(a) "judgment" means a decision or order of a court imposing a sentence;

(b) "Receiving Party" means the Party to which the sentenced person may be, or has been, transferred in order to serve his sentence or remainder thereof;

(c) "Transferring Party" means the Party from which the sentenced person may be, or has been transferred;

(d) "sentence" means imprisonment or life imprisonment imposed by a decision or order of a court;

(e) "sentenced person" means a person undergoing a sentence of imprisonment under a judgment passed by a court established under the laws for the time being in force in the Parties.

ARTICLE 2
General Principle

1. The Parties shall afford each other the widest measure of cooperation in respect of the transfer of sentenced persons in accordance with the provisions of this Treaty and the national law of each Party.

2. A person sentenced in the territory of one Party may be transferred under this Treaty, to the territory of the other Party in order to serve the sentence imposed on such person.

3. Transfer may be requested by any sentenced person who is a citizen of a Party or by any other person who is also a citizen of a Party and who is entitled to act on behalf of the sentenced person by making an application to either Party and in accordance with the laws of that Party.

4. The transfer of a sentenced person may also be requested by either the Transferring Party or the Receiving Party.

ARTICLE 3
Central Authorities

1. For the purpose of implementing this Treaty, each Party shall designate a Central Authority.

2. Central Authorities in charge of the implementation of this Treaty for the Parties are:

- For the Socialist Republic of Viet Nam: the Ministry of Public Security.

- For the Lao People's Democratic Republic: the Ministry of Public Security.

3. In case either Party changes its Central Authority, it shall notify in writing the other Party as soon as practicable of the same through diplomatic channels.

4. Unless otherwise required by this Treaty, the Central Authorities may communicate directly with each other for the purposes of this Treaty.

ARTICLE 4
Conditions for Transfer

1. A sentenced person may be transferred under this Treaty on the following conditions:

(a) the sentenced person is a citizen of the Receiving Party; having the last place of residence in the territory of the receiving Party;

(b) the judgment is final and no other legal proceedings are pending against the sentenced person in the Transferring Party, including financial obligations to the sentenced person in the Transfer Party;

(c) the sentenced person has not been convicted for an offence in the military field;

(d) at the time of receipt of the request for transfer, the sentenced person has still at least one year of the sentence to serve, except in special at least six (06) months of the sentence to serve or is undergoing a sentence of life imprisonment;

(e) the crimes, for which the sentence was imposed are punished by deprivation of liberty according to criminal laws of the Receiving Party;

(f) the transfer of the sentenced person shall not be prejudicial to the sovereignty, national security or any other essential interest of the Parties;

(g) consent to the transfer is given by the sentenced person or, where in view of his/her age or physical or mental condition either Party considers it necessary, that the consent be given by any other person entitled to act on his/her behalf in accordance with the national laws of the Party; and

(h) the Transferring Party and the Receiving Party agree to the transferring.

2. The request for the transfer of a sentenced person shall refused if there exists in the opinion of the Transferring Party, grounds to believe that

the sentenced person would be subjected to torture, inhuman or degrading treatment or punishment in the Receiving Party.

ARTICLE 5
Procedures for Transfer

1. The Parties shall endeavor to inform sentenced persons of the substance of this Treaty.

2. If a sentenced person expresses an interest to the Transferring Party to be transferred, and the Transferring Party is prepared, in principle, to approve the request for transfer, the Transferring Party shall as soon as practicable inform the Receiving Party in writing, and provide the following information:

(a) the name and family name, date and place of birth of the sentenced person, citizenship, and his/her last location or last permanent address (if available), in the Receiving Party along with a copy of his/her passport or any other personal identification documents, and fingerprints of the sentenced person, if possible;

(b) a statement of the facts upon which the conviction and sentence were based;

(c) the nature, duration and date of commencement of the sentence, the termination date of the sentence, if applicable, and the length of time already served by the sentenced person and any remission to which he or she is entitled on account of work done, good behavior, pre-trial confinement or other reasons;

(d) a certified copy of the judgment and a copy of the relevant provisions of the law under which the sentence has been passed against the sentenced person;

(e) if available, a medical, social or any other report regarding the antecedents and character of the sentenced person, where it is relevant for the disposal of his/her application or for deciding the nature of his/her confinement;

(f) any other information which the Receiving Party may specify as required, to enable it to consider the possibility of transfer and to enable it to inform the sentenced person of the full consequences of transfer for him/her

under its laws; and

(g) the request of the sentenced person to be transferred or of a person entitled to act on his/her behalf in accordance with the laws of the Transferring Party.

3. If a sentenced person expresses an interest to the Receiving Party to be transferred, the Receiving Party shall so inform in writing to the Transferring Party. If the Transferring Party is prepared, in principle, to approve the request for transfer, the Transferring Party shall as soon as practicable inform the Receiving Party in writing, and provide the information referred to in paragraph 2 of this Article.

4. If the Receiving Party, having considered the information which the Transferring Party has provided, is willing to proceed with the transfer, it shall as soon as practicable inform the Transferring Party in writing, and provide the following information:

(a) a statement indicating that the sentenced person is a citizen of the Receiving Party for the purposes of this Treaty; and

(b) a copy of the relevant law of the Receiving Party which provides that the acts or omissions on account of which the sentence has been imposed in the Transferring Party constitute a criminal offence according to the law of the Receiving Party, or would constitute an offence and sentenced to deprivation liberty if committed on its territory; and

(c) a statement on the effect, in relation to the sentenced person, of any law or regulation relating to that person's detention in the Receiving Party after that person's transfer, including a statement, if applicable, of the effect on paragraph 2 of Article 8 of this Treaty upon that person's transfer; and

(d) the willingness of the Receiving Party to accept the transfer of the sentenced person and an undertaking to administer the remaining part of the sentence of the sentenced person; and

(e) any other information or document which the Transferring Party may consider necessary.

5. If the Transferring Party is willing to proceed with the transfer, it shall as soon as practicable provide the Receiving Party with the following:

(a) a declaration containing the sentenced person's consent to the transfer;

(b) written confirmation of the Transferring Party's consent to the transfer.

6. Where the Parties have agreed to the transfer, they shall make arrangements for the transfer of the sentenced person. Delivery of the sentenced person by the competent authorities of the Transferring Party to those of the Receiving Party shall occur on a date and at a place within the territory of the Transferring Party agreed upon by both Parties.

7. If either Party decides not to agree to the transfer, it shall as soon as practicable inform the other Party of its decision in writing, which clearly states the reason for disagreeing.

8. The Transferring Party shall inform the sentenced person in writing of any action taken by the Transferring Party or the Receiving Party under the provisions of this Article.

ARTICLE 6

Verification of Consent

1. The Transferring Party shall ensure that the sentenced person required to give consent to the transfer in accordance with paragraph l(g) of Article 4 of this Treaty, does so voluntarily and with full knowledge of the legal consequences thereof. The procedures for giving such consent shall be governed by the law of the Transferring Party.

2. The Transferring Party shall afford an opportunity to the Receiving Party to verify whether the consent is given in accordance with the conditions set out in paragraph 1 of this Article.

ARTICLE 7

Effect of Transfer on the Receiving Party

Subject to the provisions of paragraph 2 Article 10 of this Treaty, the competent authorities of the Receiving Party shall continue the enforcement of the sentence through a court or administrative order, as may be required in accordance with its national laws and under the conditions set out in Article 8 of this Treaty.

ARTICLE 8

Continued Enforcement of Sentence

1. The Receiving Party shall be bound by the legal nature and duration sentence of judgment as determined by the Transferring Party.

2. If the sentence is by its nature or duration incompatible with the laws of the Receiving Party, that Party may adapt the sentence in accordance with the sentence prescribed by its own law for a similar offence. When adapting the sentence, the appropriate authorities of the Receiving Party shall be bound by the findings of fact, insofar as they appear from any opinion, conviction, judgment, or sentence imposed in the Transferring Party. The adapted sentence shall be no more severe than that imposed by the Transferring Party in terms of nature or duration, nor exceed the maximum penalty prescribed by the law of the Receiving Party. When adapting the sentence, the competent authority of the Receiving Party may, however, not convert a sentence of imprisonment to a pecuniary sanction.

ARTICLE 9

Effect of Completion of Sentence on the Transferring Party

When the Receiving Party notifies in writing to the Transferring Party under paragraph 1 (a) of Article 12 of this Treaty that the sentence has been completed, such notification shall have the effect of discharging the sentence of the sentenced person in the Transferring Party.

ARTICLE 10

Review of Judgment and Commutation, Pardon, Amnesty

1. The Transferring Party alone shall decide on any application for review of the judgment.

2. The Transferring Party or the Receiving Party may grant pardon, amnesty or commutation of the sentence in accordance with its Constitution and other laws.

ARTICLE 11

Termination of Enforcement of Sentence

1. The Transferring Party shall as soon as practicable notify in writing to the Receiving Party of any decision taken in its territory which entails

terminating the enforcement of the sentence or part thereof.

2. The Receiving Party shall terminate enforcement of the sentence or part thereof as soon as it is informed by the Transferring Party of any decision or measure as a result of which the sentence ceases to be enforceable.

ARTICLE 12

Information on Enforcement of Sentence

1. The Receiving Party shall notify in writing to the Transferring Party:

(a) when the enforcement of the sentence has been completed; or

(b) if the sentenced person escapes from custody or dies before enforcement of the sentence has been completed. In the case of an escape of the prisoner, the Receiving Party shall take measures to secure his/her arrest and to render him/her liable for escaping under the relevant laws of the Receiving Party.

2. The Receiving Party shall furnish a special report concerning the enforcement of the sentence, if so required by the Transferring Party.

ARTICLE 13

Costs

Any cost incurred in relation to the transfer of the sentenced person or the continued enforcement of the sentence after transfer shall be borne by the Receiving Party,

The Transferring Party shall notifies the costs of sentenced person transferring within the territory of the Transferring Party to the Receiving Party and the Receiving Party shall fulfill the costs by the time of transferring.

ARTICLE 14

Language

The requests and supporting documents shall be furnished in the language of Transferring Party and shall be accompanied by a certified translation into English, unless otherwise agreed between the parties.

ARTICLE 15

Obligations under other International Agreements

This Treaty shall not affect the rights or obligations of the Parties under

other international agreements or other agreements to which they are a party.

ARTICLE 16

Settlement of Disputes

1. The Central Authorities shall endeavour to mutually resolve any dispute arising out of the interpretation, application or implementation of this Treaty.

2. If the Central Authorities are unable to resolve the dispute mutually, it shall be resolved through diplomatic channels.

ARTICLE 17

Handing Over of Sentenced Persons

1. The handing over of the sentenced person by the Transferring Party to the Receiving Party shall occur at a place and time to be agreed upon between the Parties. The Receiving Party shall be responsible for the transfer of the sentenced person from the Transferring Party and shall also be responsible for custody of the sentenced person outside the territory of the Transferring Party.

2. The handing over of the sentenced person shall be made in writing in duplicate in the Vietnamese, Lao and English language.

ARTICLE 18

Amendments

This Treaty may be amended on the initiative of either Party. Any approved amendments agreed by the Parties shall come into force in the same manner as the Treaty itself.

ARTICLE 19

Final Provisions

1. This Treaty shall be subject to ratification under the laws of each Party. Each Party shall notify the other as soon as practicable, in writing, through diplomatic channels, upon the completion of its legal procedures required for the entry into force of this Treaty. The Treaty shall come into force after 30 days of the date of the last notification.

2. The Treaty shall remain in force for an indefinite period. It may, however, be terminated by either of the Parties giving a written notice of

termination to other Party. The termination shall come into effect 180 days after the date on which such notice is received by the other Party.

3. Notwithstanding any termination, this Treaty shall continue to apply to the requests for the transfer of sentenced persons made before the date on which such termination comes into effect.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective States, have signed this Treaty.

Done in duplicate at the city of Ha Noi on the 04th of January 2020, in the Vietnamese, Lao and English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	**FOR THE LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC**
TO LAM	**Vilay LAKHAMPHONG**
General – Minister of Public Security	**Pol.Lt.Gen – Minister of Public Security**